

**Số: 140/2021/QĐST-HNGĐ**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

-----  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/03/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/03/2021 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Người yêu cầu:

- **Chị Lê Thị Bích H**, sinh năm 1983. HKTT và nơi ở: Số 22 V, K, B, H.
- **Anh N Quốc V**, sinh năm 1981. HKTT và nơi ở: Số 22 V, K, B, H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 44 quyển số 01/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội ngày 28/3/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/03/2021 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V xác nhận có hai con chung là cháu N Quang H, sinh ngày 27/10/2005 và cháu N Lê N, sinh ngày 27/12/2010. Khi ly hôn Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V đã thỏa thuận: Chị H

trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê N, anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quang H. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn vợ chồng tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V xác nhận không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. Về lệ phí tòa án: Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V thống nhất thỏa thuận: chị H chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V.

- Về con chung: Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu N Quang H, sinh ngày 27/10/2005 và cháu N Lê N, sinh ngày 27/12/2010. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh V: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê N, giao cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quang H. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V xác nhận không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn vợ chồng tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Chị Lê Thị Bích H và anh N Quốc V xác nhận không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết, nên tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Bích H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0001242 ngày 03/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**